

CÔNG TY CP XD HẠ TẦNG CII
156 Hoa Lan, P.02, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:354/CIIEC-CBTT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2021.

V/v: Giải trình các vấn đề tại báo cáo tài chính
giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết
thúc ngày 30/06/2021

Kính gửi : - **QUÝ CỔ ĐÔNG**
- **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

- Đơn vị công bố: **Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII**
- Mã chứng khoán: **CEE**
- Trụ sở chính: 156 Hoa Lan, P.02, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM
- Điện thoại: 028.35120632 Fax: 028.35120633
- Đại diện công bố thông tin: **Ông Bùi Xuân Phước**
- Xin giải trình về các vấn đề tại báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2021:

1. Về việc đơn vị kiểm toán đưa ra ý kiến nhận mạnh: *“Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số V.4 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thể hiện rằng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty còn phải thu Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng SG (Công ty VLXD SG) số tiền là 28.188.810.227 đồng. Đây là khoản hỗ trợ vốn theo hợp đồng số 1a/HĐCV ngày 2 tháng 1 năm 2018 với lãi suất 5%/năm và không có tài sản đảm bảo. Tuy nhiên Công ty VLXD SG với chức năng kinh doanh là mua bán vật liệu xây dựng, cung cấp vật tư cho nhiều nhà thầu phụ hiện đang thi công các công trình xây dựng của Công ty. Công ty cam kết sẽ hỗ trợ Công ty VLXD SG thu hồi các khoản nợ từ khách hàng để hoàn trả cho Công ty theo lịch trả nợ đã thống nhất giữa hai bên như đã trình bày tại Thuyết minh số V.4. Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo sẽ không để xảy ra tổn thất từ khoản phải thu này.”*

Công ty có ý kiến giải trình như sau: Khoản phải thu trên phát sinh trong giai đoạn Công ty TNHH VLXD SG là Công ty con của Công ty. Sau khi thực hiện thoái vốn đầu tư, Ban Tổng Giám đốc đã tích cực thực hiện công tác đối chiếu, thu

hồi công nợ. Trong 6 tháng đầu năm 2021, Công ty đã thu hồi được 3,5 tỷ đồng, số phải thu trong tương lai là 28,2 đồng như đơn vị kiểm toán đã đề cập.

2. Về việc Tại báo cáo tài chính quý 2 và báo cáo tài chính soát xét bán niên 2021, lợi nhuận sau thuế lũy kế 6 tháng đầu năm của Công ty tăng từ 5% trở lên, cụ thể:

	BCTC Riêng			BCTC Hợp nhất		
	Lũy kế tại BCTC Q2	Lũy kế tại BCTC SX 6T	%	Lũy kế tại BCTC Q2	Lũy kế tại BCTC SX 6T	%
Doanh thu thuần	255.136.709.760	258.685.001.043	1,39%	295.037.435.445	298.585.726.728	1,20%
Lợi nhuận sau thuế	404.456.068	545.089.757	34,77%	646.391.623	787.789.372	21,87%

Công ty có ý kiến giải trình lý do cho sự thay đổi trên là khi thực hiện soát xét báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận thêm doanh thu từ cung cấp dịch vụ dẫn đến biến động như đã thể hiện ở bảng trên.

3. Về việc lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

	BCTC Riêng			BCTC Hợp nhất		
	01/01/2020 – 30/06/2020	01/01/2021 – 30/06/2021	%	01/01/2020 – 30/06/2020	01/01/2021 – 30/06/2021	%
Lợi nhuận trước thuế	7.356.474.404	1.024.913.781	-86 %	-9.243.209.662	2.056.991.600	-122%
Lợi nhuận sau thuế	17.562.185.133	545.089.757	-96%	643.216.956	787.789.372	22%

Công ty có ý kiến giải trình nguyên nhân dẫn đến việc lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp thay đổi từ 10% trở lên so với cùng kỳ năm trước đến từ việc thực thi Nghị định số 68/2020/NĐ-CP, Công ty đã tiến hành hoàn nhập lại số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp dẫn đến việc lợi nhuận sau thuế tại giai đoạn 2020 có giá trị đột biến so với 2021.

Trên đây là giải trình những vấn đề tại báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2021. Công ty cam kết những thông tin nêu trên

là đúng sự thật và xin giải trình đến Quý cơ quan và Quý cổ đông của Công ty được biết.

Trân trọng.

Nơi gửi:

- Như trên
- Lưu: VT

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

CÔNG BỐ THÔNG TIN



BÙI XUÂN PHƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 47

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Ông Phạm Vũ Thức	Phó Chủ tịch thường trực
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Phùng Văn Hiền	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Bình	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Lưu Hải Ca	Trưởng ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Mai Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phùng Văn Hiền	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Tiến Đức	Phó Tổng Giám đốc thường trực
Ông Trần Đình Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Phùng Văn Hiền - Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Phùng Văn Hiến
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2021

Số: 1319/2021/BCSX-ICPA.SG

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 08 năm 2021, từ trang 5 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số V.4 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thể hiện rằng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty còn phải thu Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng SG (Công ty VLXD SG) số tiền là 28.188.810.227 đồng. Đây là khoản hỗ trợ vốn theo hợp đồng số 1a/HĐCV ngày 2 tháng 1 năm 2018 với lãi suất 5%/năm và không có tài sản đảm bảo. Tuy nhiên Công ty VLXD SG với chức năng kinh doanh là mua bán vật liệu xây dựng, cung cấp vật tư cho nhiều nhà thầu phụ hiện đang thi công các công trình xây dựng của Công ty. Công ty cam kết sẽ hỗ trợ Công ty VLXD SG thu hồi các khoản nợ từ khách hàng để hoàn trả cho Công ty theo lịch trả nợ đã thống nhất giữa hai bên như đã trình bày tại Thuyết minh số V.4. Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo sẽ không để xảy ra tổn thất từ khoản phải thu này.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này



Lương Giang Thạch

Phó Giám đốc Chi nhánh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2178-2018-072-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Chi nhánh Sài Gòn

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.923.893.577.966	1.543.637.815.885
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		12.943.717.367	29.481.421.823
1. Tiền	111	V.1	12.943.717.367	29.481.421.823
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.321.057.481.564	886.821.555.425
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	133.560.814.033	119.259.523.028
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	175.532.204.417	156.829.412.935
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4.a	775.733.011.386	343.127.313.637
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.a	260.554.469.749	288.183.922.340
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(24.323.018.021)	(20.578.616.515)
III. Hàng tồn kho	140	V.7	572.341.405.080	605.370.311.260
1. Hàng tồn kho	141		572.341.405.080	605.370.311.260
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.550.973.955	21.964.527.377
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8.a	6.836.836.848	5.820.534.185
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	4.950.032.061
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.18.a	10.714.137.107	11.193.961.131

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		95.214.494.498	79.156.240.415
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		21.181.415.609	2.578.271.770
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4.b	18.653.143.839	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.5.b	2.528.271.770	2.578.271.770
II. Tài sản cố định	220		19.246.168.983	18.050.173.041
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	18.368.416.085	16.484.330.072
- Nguyên giá	222		80.402.552.005	75.609.840.187
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(62.034.135.920)	(59.125.510.115)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	801.352.872	1.504.274.943
- Nguyên giá	225		1.140.909.091	2.040.909.091
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(339.556.219)	(536.634.148)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	76.400.026	61.568.026
- Nguyên giá	228		410.000.000	380.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(333.599.974)	(318.431.974)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	4.997.156.733	4.997.156.733
- Nguyên giá	231		5.836.987.368	5.836.987.368
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(839.830.635)	(839.830.635)
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	20.400.000.000	20.400.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		21.400.000.000	21.400.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		29.389.753.173	33.130.638.871
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.b	9.895.276.223	10.770.160.576
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14.a	1.517.830.880	2.136.751.467
3. Lợi thế thương mại	269	V.15	17.976.646.070	20.223.726.828
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.019.108.072.464	1.622.794.056.300

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/06/2021	01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.587.590.999.122	1.190.843.190.576
I. Nợ ngắn hạn	310		1.373.366.540.129	957.045.796.540
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	83.982.947.165	88.942.052.335
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	223.001.878.838	254.490.772.059
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18.b	5.935.087.464	4.565.120.049
4. Phải trả người lao động	314		1.929.671.378	1.786.530.445
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	2.635.539.338	12.940.983.894
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	269.502.389.926	261.862.632.912
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21.a	786.379.026.020	332.457.704.846
II. Nợ dài hạn	330		214.224.458.993	233.797.394.036
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21.b	214.215.815.000	233.790.465.213
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.14.b	8.643.993	6.928.823
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		431.517.073.342	431.950.865.724
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	431.517.073.342	431.950.865.724
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		415.000.000.000	415.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		415.000.000.000	415.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		400.000.000	400.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(39.818.367.279)	(39.818.367.279)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.535.080.922	7.667.692.056
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		47.400.359.699	48.701.540.947
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		46.619.807.669	20.719.532.364
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		780.552.030	27.982.008.583
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.019.108.072.464	1.622.794.056.300



Nguyễn Thị Bích Thảo
Người lập biểu



Bùi Xuân Phước
Kế toán trưởng



Phùng Văn Hiến
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	298.585.726.728	287.737.926.354
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		298.585.726.728	287.737.926.354
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	277.124.584.840	274.881.633.759
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		21.461.141.888	12.856.292.595
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	26.216.601.192	35.097.047.731
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	31.691.729.410	34.821.646.484
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		31.188.957.410	33.568.507.484
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	224.112.362	567.555.224
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	13.597.219.083	14.073.278.163
11. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)]	30		2.164.682.225	(1.509.139.545)
12. Thu nhập khác	31	VI.7	80.683.092	7.186.289
13. Chi phí khác	32	VI.8	188.373.717	7.741.256.406
14. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(107.690.625)	(7.734.070.117)
15. Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.056.991.600	(9.243.209.662)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	648.566.471	(9.908.771.295)
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	V.14	620.635.757	22.344.677
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		787.789.372	643.216.956
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		787.789.372	643.216.956
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	19	15



Nguyễn Thị Bích Thảo
Người lập biểu



Bùi Xuân Phước
Kế toán trưởng



Phùng Văn Hiến
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	01	2.056.991.600	(9.243.209.662)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ, BĐSĐT và phân bổ lợi thế thương mại	02	5.038.796.634	6.090.631.671
Các khoản dự phòng	03	3.744.401.506	5.533.032.153
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(26.221.419.374)	(33.654.384.714)
Chi phí lãi vay	06	31.188.957.410	33.568.507.484
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	15.807.727.776	2.294.576.932
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	529.240.977	(41.980.252.800)
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	33.028.906.180	(89.192.537.438)
(Giảm)/tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(44.975.287.573)	297.560.435.416
Tăng chi phí trả trước	12	(141.418.310)	(1.234.720.527)
Tiền lãi vay đã trả	14	(24.495.544.366)	(33.802.635.567)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(127.190.881)	(703.005.143)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(138.000.000)	(135.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(20.511.566.197)	132.806.360.873
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.987.711.818)	(3.450.378.128)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	31.818.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(851.250.000.000)	(685.930.137.204)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	404.428.616.516	685.504.572.638
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	21.359.946.482	40.400.007.483
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(429.449.148.820)	36.555.882.971

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	696.647.393.341	460.808.351.252
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(262.860.123.046)	(625.342.364.399)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(364.259.734)	(281.142.858)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	433.423.010.561	(164.815.156.005)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(16.537.704.456)	4.547.087.839
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	29.481.421.823	83.107.993.308
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	12.943.717.367	87.655.081.147



Nguyễn Thị Bích Thảo
Người lập biểu



Bùi Xuân Phước
Kế toán trưởng



Phùng Văn Hiến
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304200346 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 19 tháng 1 năm 2006 và thay đổi lần thứ 18 ngày 29 tháng 11 năm 2019 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty là 415 tỷ đồng, được chia thành 41,5 triệu cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (“Công ty CII”). Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 80%.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: CEE. Tên Công ty viết tắt là: CII E&C.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 156 Hoa Lan, Phường 2, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Xây dựng, kinh doanh, chuyển giao công nghệ công trình giao thông theo hình thức hợp đồng B.O.T; xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; công trình công ích; cho thuê máy móc, thiết bị; khai thác cát, đá, sỏi, đất sét; sản xuất bê tông và các thành phẩm từ xi măng, thạch cao; tư vấn kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; sản xuất vật liệu xây dựng, gia công dầm cầu thép, cấu kiện thép, sản phẩm cơ khí khác; sửa chữa máy móc, thiết bị thi công; phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng; kinh doanh bất động sản và các ngành nghề khác được quy định trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con trong kỳ là thi công xây lắp; cho thuê máy móc thiết bị; khai thác sản xuất đá, gạch; mua bán vật tư xây dựng; môi giới bất động sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty đang đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi với tỷ lệ sở hữu 100%. Hoạt động chính của công ty con là khai thác, sản xuất kinh doanh các loại đất, đá.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC và Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là có thể so sánh được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán giữa niên độ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ** (tiếp theo)

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Ảnh hưởng của các giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong các công ty con nhưng không làm mất đi quyền kiểm soát được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được ghi nhận là một loại tài sản dài hạn trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính nhưng không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng. Định kỳ, Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con. Nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng kỳ thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty không phân bổ khoản lợi thế thương mại này.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính*****Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho khác được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 12
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	3 - 12
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị của phần mềm máy tính, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

Tài sản thuê tài chính

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây). Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Bất động sản đầu tư** (tiếp theo)

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư hoặc từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu hoặc hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng. Bất động sản chủ sở hữu sử dụng chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu kết thúc sử dụng tài sản đó và khi bên khác thuê hoạt động. Bất động sản đầu tư chuyển thành bất động sản chủ sở hữu khi chủ sở hữu bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Hàng tồn kho chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Hàng tồn kho chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Bất động sản xây dựng chuyển thành bất động sản đầu tư khi kết thúc giai đoạn xây dựng, bàn giao đưa vào đầu tư.

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng giữa bất động sản đầu tư với bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi giá trị ghi sổ của tài sản được chuyển đổi và không làm thay đổi nguyên giá của bất động sản trong việc xác định giá trị hay để lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi không còn được nắm giữ lâu dài và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Doanh thu từ việc bán bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được hoặc sẽ thu được. Chi phí bán và giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ bán bất động sản đầu tư.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước phát sinh chủ yếu bao gồm chi phí môi giới của các dự án kinh doanh bất động sản, các chi phí khai thác khoáng sản không được vốn hóa vào giá trị tài sản cố định vô hình, giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí môi giới của các dự án kinh doanh bất động sản được ghi nhận là chi phí trả trước và phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi khách hàng ký hợp đồng mua bán với chủ đầu tư.

Các chi phí khai thác khoáng sản không được ghi nhận là tài sản cố định vô hình bao gồm:

- Chi phí thăm dò, đánh giá trữ lượng mỏ và chi phí đền bù, xây dựng mỏ;
- Chi phí bóc tầng phủ trong quá trình khai thác đá;
- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp cho cơ quan Nhà nước địa phương nơi khai thác.

Chi phí thăm dò, đánh giá trữ lượng và chi phí đền bù, xây dựng mỏ

Các khoản chi phí thăm dò, đánh giá trữ lượng, đền bù và xây dựng cơ sở hạ tầng cho mỏ được ghi nhận là một khoản chi phí trả trước dài hạn dựa theo các chi phí thực tế phát sinh. Các khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian được phép khai thác mỏ.

Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác nhân với đơn giá do UBND tỉnh nơi có mỏ khai thác công bố theo Nghị định số 2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Chính Phủ. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được ghi nhận là chi phí trả trước và phân bổ tỷ lệ sản lượng khai thác thực tế hàng năm so với tổng trữ lượng ước tính của mỏ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Chi phí trả trước** (tiếp theo)

Giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các khoản chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ một đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua – bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu, thu nhập khác***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (*xem chi tiết bên dưới*).

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty mẹ, các Công ty con của Công ty mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bao gồm: sản xuất, kinh doanh bán hàng; thi công xây dựng, lắp đặt, duy tu công trình; cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ khác và chỉ hoạt động trong một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền**

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt	159.784.074	91.184.090
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.783.933.293	29.390.237.733
Cộng	12.943.717.367	29.481.421.823

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Bên liên quan	20.567.381.563	20.255.222.582
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	11.277.528.515	13.402.852.636
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	6.563.292.117	5.290.735.921
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	1.231.281.866	66.354.960
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	1.019.582.875	1.019.582.875
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	475.696.190	475.696.190
Các đối tượng khác	112.993.432.470	99.004.300.446
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại 592	39.947.835.340	37.811.724.478
Công ty TNHH Xây dựng Nền móng Tam Đạt	13.395.976.141	13.395.976.141
Các khách hàng khác	59.649.620.989	47.796.599.827
Cộng	133.560.814.033	119.259.523.028

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Dịch vụ Thương mại Công Huy	36.679.351.367	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng E&C	35.394.841.982	46.341.282.666
Công ty TNHH MTV Xây dựng Dịch vụ Vận tải Hà Thành	29.625.097.131	29.933.808.210
Các nhà cung cấp khác	73.832.913.937	70.554.322.059
Cộng	175.532.204.417	156.829.412.935

4. Phải thu về cho vay

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Bên liên quan	656.994.790.259	201.878.860.569
Công ty CII (i)	656.994.790.259	201.878.860.569
Các đối tượng khác	118.738.221.127	141.248.453.068
Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành (ii)	87.532.307.573	83.097.621.469
Công ty Cổ phần Pearl City (iii)	9.600.000.000	9.600.000.000
Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng SG (iv)	9.535.666.388	31.688.810.227
Các đối tượng khác	12.070.247.166	16.862.021.372
	775.733.011.386	343.127.313.637
b. Dài hạn		
Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng SG (iv)	18.653.143.839	-
Cộng	794.386.155.225	343.127.313.637

(i) Khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 41/2016/HĐ-CII ngày 21 tháng 10 năm 2016 nhằm mục đích bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh, tối ưu hóa nguồn lực tài chính với tổng hạn mức 1.000 tỷ đồng và lãi suất là 10%/năm.

(ii) Đây là khoản phải thu liên quan đến hợp đồng hợp tác kinh doanh số 08/HĐHT/2018 ngày 29 tháng 6 năm 2018, trong đó các bên thỏa thuận rằng Công ty đồng ý cho Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Lâm Viên ("Lâm Viên") vay tiền bằng cách sử dụng số tiền ở tài khoản giao dịch chứng khoán của Công ty mở tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành ("Việt Thành") với lãi suất 10,5%/năm. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, khoản tiền Công ty Lâm Viên đã sử dụng và có nghĩa vụ hoàn trả cho Công ty là 87.398.609.955 đồng.

(iii) Đây là khoản tiền hỗ trợ vốn theo hợp đồng ký ngày 31 tháng 10 năm 2019 với lãi suất 9%/năm. Theo biên bản thỏa thuận ngày 25 tháng 5 năm 2020 và nghị quyết Đại hội Cổ đông của Công ty Cổ phần Pearl City ngày 1 tháng 6 năm 2020, Pearl City tăng vốn điều lệ lên 110 tỷ đồng bằng hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược và Công ty đã chuyển đổi một phần khoản tiền cho vay tương ứng 20,4 tỷ đồng thành khoản vốn góp với tỷ lệ là 18,55% (Xem thuyết minh số V.13).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**4. Phải thu về cho vay**

(iv) Đây là khoản hỗ trợ vốn theo hợp đồng số 1a/HĐHTKD ngày 2 tháng 1 năm 2018 với lãi suất 5%/năm và không có tài sản đảm bảo. Tuy nhiên Công ty VLXD SG với chức năng kinh doanh là mua bán vật liệu xây dựng, cung cấp vật tư cho nhiều nhà thầu phụ hiện đang thi công các công trình xây dựng của Công ty. Sau khi Công ty thực hiện thoái vốn trong công ty con này, Công ty cam kết sẽ hỗ trợ Công ty VLXD SG thu hồi các khoản nợ từ khách hàng để hoàn trả cho Công ty. Công ty đã thỏa thuận với Công ty VLXD SG đồng ý với bảng kế hoạch thu hồi dần công nợ đến hết năm 2023. Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo sẽ không để xảy ra tổn thất từ khoản phải thu này.

Bảng kế hoạch thu hồi công nợ Công ty VLXD SG chi tiết như sau:

	30/06/2021
	VND
Trong vòng một năm	14.000.000.000
Trong năm thứ hai	14.000.000.000
Trong năm thứ ba	4.653.143.839
	32.653.143.839
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(14.000.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	18.653.143.839

5. Phải thu khác

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Tạm ứng vốn thi công các công trình xây dựng	207.733.142.951	231.615.465.625
Các khoản tiền cầm cố, ký cược, ký quỹ	31.230.519.319	31.232.169.319
Phải thu về lãi tiền gửi và lãi cho vay	7.543.951.867	7.124.755.261
Phải thu về lợi nhuận được chia	7.286.588.612	7.286.588.612
Các khoản chi hộ	4.149.178.132	6.556.545.939
Các khoản phải thu khác	2.611.088.868	4.368.397.584
	260.554.469.749	288.183.922.340
b. Dài hạn		
Các khoản đặt cọc, ký cược, ký quỹ	2.528.271.770	2.578.271.770
	263.082.741.519	290.762.194.110
Cộng		
Trong đó, phải thu bên liên quan:		
Công ty CII	1.113.125.934	2.089.071.489

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**6. Nợ xấu**

	30/06/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND		VND	VND	
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4.762.058.243	416.405.100	(4.345.653.143)	3.374.041.243	169.191.174	(3.204.850.069)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.722.344.135	225.465.191	(1.496.878.944)	970.793.497	58.122.545	(912.670.952)
Phải thu ngắn hạn khác	32.435.188.983	13.954.703.049	(18.480.485.934)	32.435.188.983	15.974.093.489	(16.461.095.494)
Cộng	38.919.591.361	14.596.573.340	(24.323.018.021)	36.780.023.723	16.201.407.208	(20.578.616.515)

7. Hàng tồn kho

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	10.054.772.155	-	15.639.924.930	-
Công cụ, dụng cụ	68.638.449	-	62.948.776	-
Chi phí thi công các công trình xây dựng dở dang	501.442.691.344	-	527.436.669.923	-
Chi phí sản xuất sản phẩm dở dang	34.901.364.284	-	32.473.625.184	-
Thành phẩm	14.604.139.165	-	13.958.757.111	-
Hàng hóa	11.269.799.683	-	15.798.385.336	-
Cộng	572.341.405.080	-	605.370.311.260	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**8. Chi phí trả trước**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Hoa hồng môi giới bất động sản	4.089.366.000	4.089.366.000
Phí bảo lãnh thi công các công trình xây dựng	1.865.236.551	704.518.913
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	63.899.979	73.358.932
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	30.958.588	203.708.007
Phí cam kết rút vốn	-	500.000.000
Chi phí khác chờ phân bổ	787.375.730	249.582.333
	6.836.836.848	5.820.534.185
b. Dài hạn		
Chi phí đền bù, trùng tu và chi phí cấp quyền khai thác mỏ khoáng sản	9.398.169.804	9.929.953.587
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	227.711.482	285.113.135
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	79.285.602	238.389.254
Chi phí khác chờ phân bổ	190.109.335	316.704.600
	9.895.276.223	10.770.160.576
Cộng	16.732.113.071	16.590.694.761

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2021	7.398.235.317	50.465.167.968	16.814.787.902	931.649.000	75.609.840.187
Mua trong kỳ	-	3.279.363.637	513.239.090	164.109.091	3.956.711.818
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	-	901.000.000	-	901.000.000
Thanh lý, nhượng bán trong kỳ	-	-	-	(65.000.000)	(65.000.000)
Tại ngày 30/06/2021	7.398.235.317	53.744.531.605	18.229.026.992	1.030.758.091	80.402.552.005
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2021	6.779.503.555	41.603.989.431	9.928.825.626	813.191.503	59.125.510.115
Khấu hao trong kỳ	148.823.826	1.450.289.153	995.655.485	36.000.202	2.630.768.666
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	-	342.857.139	-	342.857.139
Thanh lý, nhượng bán trong kỳ	-	-	-	(65.000.000)	(65.000.000)
Tại ngày 30/06/2021	6.928.327.381	43.054.278.584	11.267.338.250	784.191.705	62.034.135.920
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2021	618.731.762	8.861.178.537	6.885.962.276	118.457.497	16.484.330.072
Tại ngày 30/06/2021	469.907.936	10.690.253.021	6.961.688.742	246.566.386	18.368.416.085

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 39.833.511.237 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 38.850.983.964 đồng).

Công ty đã sử dụng một số máy móc thiết bị và phương tiện vận tải để thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng. Nguyên giá của tài sản thế chấp tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 29.225.959.383 đồng (*chi tiết xem tại thuyết minh số V.21*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**10. Tài sản cố định thuê tài chính**Máy móc thiết bị
VND**Nguyên giá**

Tại ngày 01/01/2021

2.040.909.091

Mua lại tài sản thuê tài chính

(900.000.000)

Tại ngày 30/06/2021**1.140.909.091****Giá trị hao mòn lũy kế**

Tại ngày 01/01/2021

536.634.148

Khấu hao trong kỳ

145.779.210

Mua lại tài sản thuê tài chính

(342.857.139)

Tại ngày 30/06/2021**339.556.219****Giá trị còn lại**

Tại ngày 01/01/2021

1.504.274.943

Tại ngày 30/06/2021**801.352.872****11. Tài sản cố định vô hình**Quyền
sử dụng đất
VNDPhân mềm
vi tính
VNDCộng
VND**Nguyên giá**

Tại ngày 01/01/2021

100.000.000

280.000.000

380.000.000

Mua trong kỳ

-

30.000.000

30.000.000

Tại ngày 30/06/2021**100.000.000****310.000.000****410.000.000****Giá trị hao mòn lũy kế**

Tại ngày 01/01/2021

100.000.000

218.431.974

318.431.974

Khấu hao trong kỳ

-

15.168.000

15.168.000

Tại ngày 30/06/2021**100.000.000****233.599.974****333.599.974****Giá trị còn lại**

Tại ngày 01/01/2021

-

61.568.026

61.568.026

Tại ngày 30/06/2021**-****76.400.026****76.400.026**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 260.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**12. Bất động sản đầu tư**

	Quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2021 và tại ngày 30/06/2021	5.836.987.368
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2021 và tại ngày 30/06/2021	839.830.635
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2021 và tại ngày 30/06/2021	<u>4.997.156.733</u>

Bất động sản đầu tư là lô đất chờ tăng giá tại địa chỉ số 29/3, đường D2, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay đổi tên là đường Nguyễn Gia Trí). Lô đất có thời hạn sử dụng 50 năm, sẽ hết thời gian sử dụng vào ngày 19 tháng 1 năm 2056 theo Quyết định số 1218/QĐ-UBND ngày 18 tháng 03 năm 2010 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

Giá trị quyền sử dụng đất đã được được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long (*chi tiết xem tại thuyết minh số V.21*).

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Tuy nhiên, căn cứ vào giá thị trường của những tài sản tương đương và vị trí địa lý của lô đất mà Công ty đang sở hữu, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, giá trị hợp lý lớn hơn giá trị ghi sổ của tài sản vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**13. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2021				01/01/2021			
	Số lượng Cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng Cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Pearl City	2.040.000	20.400.000.000	-	(i)	2.040.000	20.400.000.000	-	(i)
Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng SG		1.000.000.000	(1.000.000.000)	(i)		1.000.000.000	(1.000.000.000)	(i)
Cộng		21.400.000.000	(1.000.000.000)	(i)		21.400.000.000	(1.000.000.000)	(i)

(i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nêu trên chưa được xác định tại ngày kết thúc kỳ kế toán để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**14. Thuế thu nhập hoãn**

	Dự phòng đầu tư tài chính	Các khoản lãi/(lô) chưa thực hiện	Cộng
	VND	VND	VND
a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
Tại ngày 01/01/2020	-	2.393.073.732	2.393.073.732
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ	-	21.616.848	21.616.848
Tại ngày 30/06/2020	-	2.371.456.884	2.371.456.884
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ	-	234.705.417	234.705.417
Tại ngày 01/01/2021	-	2.136.751.467	2.136.751.467
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ	-	618.920.587	618.920.587
Tại ngày 30/06/2021	-	1.517.830.880	1.517.830.880
b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
Tại ngày 01/01/2020	2.000.000.000	11.199.152	2.011.199.152
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	-	(727.829)	(727.829)
Tại ngày 30/06/2020	2.000.000.000	11.926.981	2.011.926.981
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	2.000.000.000	4.998.158	2.004.998.158
Tại ngày 01/01/2021	-	6.928.823	6.928.823
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	-	(1.715.170)	(1.715.170)
Tại ngày 30/06/2021	-	8.643.993	8.643.993
Chi phí thuần ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ			620.635.757

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**15. Lợi thế thương mại**

	Giá trị ghi số VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2021 và 30/06/2021	44.941.615.175
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2021	24.717.888.347
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ	2.247.080.758
Tại ngày 30/06/2021	26.964.969.105
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2021	20.223.726.828
Tại ngày 30/06/2021	17.976.646.070

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND
Bên liên quan	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Đối tượng khác	78.982.947.165	78.982.947.165	83.942.052.335	83.942.052.335
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông Nam An	7.307.562.090	7.307.562.090	15.483.085.887	15.483.085.887
Công ty TNHH Xây dựng Fico Corea	7.169.773.827	7.169.773.827	7.169.773.827	7.169.773.827
Các nhà cung cấp khác	64.505.611.248	64.505.611.248	61.289.192.621	61.289.192.621
Cộng	83.982.947.165	83.982.947.165	88.942.052.335	88.942.052.335

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Bên liên quan	206.588.285.289	232.254.541.510
Công ty Cổ Phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	105.400.539.593	124.417.522.155
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	77.662.131.675	78.273.248.413
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	16.180.847.382	21.899.252.103
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	6.032.418.747	6.352.170.947
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	950.000.000	950.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	362.347.892	362.347.892
Các đối tượng khác	16.413.593.549	22.236.230.549
Cộng	223.001.878.838	254.490.772.059

18. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/01/2021	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2021
	VND	VND	VND	VND
a. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.698.298.140	479.824.024	-	10.218.474.116
Các khoản khác	495.662.991	-	-	495.662.991
Cộng	11.193.961.131	479.824.024	-	10.714.137.107
b. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	329.897.552	1.490.817.650	750.000.000	1.070.715.202
Thuế thu nhập doanh nghiệp	127.190.881	168.742.447	127.190.881	168.742.447
Thuế thu nhập cá nhân	2.396.703.935	1.120.315.766	606.155.431	2.910.864.270
Thuế tài nguyên	1.179.507.570	886.464.659	900.000.000	1.165.972.229
Các khoản khác	531.820.111	315.735.479	228.762.274	618.793.316
Cộng	4.565.120.049	3.982.076.001	2.612.108.586	5.935.087.464

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	1.670.539.338	1.872.674.181
Chi phí thi công công trình	-	9.951.309.713
Chi phí sản xuất kinh doanh khác	965.000.000	1.117.000.000
Cộng	2.635.539.338	12.940.983.894

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**20. Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Thu hộ tiền đặt cọc giữ chỗ mua căn hộ (i)	232.311.953.751	226.754.640.000
Các khoản thu hộ khác	24.317.243.167	26.667.821.681
Phải trả về lãi hỗ trợ kinh doanh	6.650.684.931	-
Phải trả các đội thi công	3.868.863.014	5.217.850.131
Phải trả về gốc hỗ trợ kinh doanh	1.099.300.000	2.022.960.400
Các khoản phải trả khác	1.254.345.063	1.199.360.700
Cộng	<u>269.502.389.926</u>	<u>261.862.632.912</u>
 <i>Trong đó, phải trả các bên liên quan:</i>		
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	3.782.191.781	-
Công ty CII	2.868.493.150	-
Cộng	<u>6.650.684.931</u>	<u>-</u>

(i) Đây là khoản nhận giữ chỗ, đặt cọc từ khách hàng mua các căn hộ thuộc dự án Khu đô thị mới Thủ Thiêm do Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm làm chủ đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**21. Vay và nợ thuê tài chính****a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	30/06/2021		Phát sinh trong kỳ		01/01/2021	
	Nợ gốc	Số có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Nợ gốc	Số có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	768.436.881.827	768.436.881.827	697.571.053.741	261.071.373.046	331.937.201.132	331.937.201.132
Các khoản vay các bên liên quan (i)	520.000.000.000	520.000.000.000	520.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng BIDV						
- Chi nhánh Vĩnh Long	214.563.323.542	214.563.323.542	166.696.100.488	200.287.330.394	248.154.553.448	248.154.553.448
Ngân hàng Vietinbank						
- Chi nhánh 11	23.000.000.000	23.000.000.000	-	-	23.000.000.000	23.000.000.000
Ngân hàng BIDV						
- Chi nhánh Quảng Ngãi	10.873.558.285	10.873.558.285	10.874.953.253	10.784.042.652	10.782.647.684	10.782.647.684
Ngân hàng HD Bank						
- Trung tâm Kinh doanh	-	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem <i>Thuyết minh b</i>)	17.942.144.193	17.942.144.193			520.503.714	520.503.714
Cộng	786.379.026.020	786.379.026.020	697.571.053.741	261.071.373.046	332.457.704.846	332.457.704.846
(i) Chi tiết các khoản vay các bên liên quan:						
Công ty CII	320.000.000.000	320.000.000.000	320.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000	-	-	-
Cộng	520.000.000.000	520.000.000.000	520.000.000.000	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**21. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	30/06/2021		Phát sinh trong kỳ		01/01/2021	
	Nợ gốc	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Nợ gốc	Số có khả năng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	232.157.959.193	232.157.959.193	-	2.153.009.734	234.310.968.927	234.310.968.927
Các khoản vay cá nhân dài hạn	231.871.325.600	231.871.325.600	-	1.788.750.000	233.660.075.600	233.660.075.600
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV - SUMI TRUST	286.633.593	286.633.593	-	364.259.734	650.893.327	650.893.327
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(17.942.144.193)	(17.942.144.193)			(520.503.714)	(520.503.714)
Cộng	214.215.815.000	214.215.815.000	-	2.153.009.734	233.790.465.213	233.790.465.213
Tổng cộng vay	1.000.594.841.020	1.000.594.841.020			566.248.170.059	566.248.170.059

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**21. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản vay và nợ thuê tài chính**

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo và các thông tin khác
Ngắn hạn					
Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Vĩnh Long	214.563.323.542	8 tháng	7% - 7,5%	Bổ sung vốn lưu động.	- Quyền sử dụng đất tại số 29/3, đường D2, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay đổi tên là đường Nguyễn Gia Trí); - Hệ thống đúc hẫng; - Xe ô tô Toyota Camry 51F-827.78; - Xe ô tô Toyota Land Cruiser 51G-337.79; - Xe Komatsu 50XA-5192; - Quyền đòi nợ các khoản phải thu đã thế chấp với ngân hàng; - 3.800.000 cổ phiếu NBB do Công ty mẹ (CII) sở hữu; - Máy đào bánh xích nhãn hiệu KOMATSU, biển số 50XA - 5192 - Xe tải tự do biển số 51D-643.09 - Xe tải tự do biển số 51D-645.87
Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh 11	23.000.000.000	12 tháng	9,0%	Bổ sung vốn lưu động.	Trái phiếu phát hành bởi ngân hàng Vietinbank với tổng mệnh giá là 23 tỷ đồng do Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm và Công ty CII sở hữu.
Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Quảng Ngãi	10.873.558.285	12 tháng	7,2%	Bổ sung vốn lưu động.	Nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải truyền dẫn và quyền khai thác đá tại mỏ Thọ Bắc, xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.
Công ty CII	320.000.000.000	12 tháng	10,0%	Thi công Dự án đường Cao tốc Trung Lương- Mỹ Thuận	Vay tín chấp.
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	200.000.000.000	12 tháng	10,0%	Thi công Dự án đường Cao tốc Trung Lương- Mỹ Thuận	Vay tín chấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**21. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)*Thông tin bổ sung cho các khoản vay và nợ thuê tài chính* (tiếp theo)

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo và các thông tin khác
Dài hạn					
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV - SUMI TRUST - Chi nhánh Đà Nẵng	286.633.593	36 tháng	8,5%	Thuê tài chính.	Giá trị khoản đặt cọc cho khoản thuê tài chính là 112.750.000 VND.
Các khoản vay các cá nhân	231.871.325.600	24 tháng	8,5%	Bổ sung vốn lưu động.	Vay tín chấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**21. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**Các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Trong vòng một năm	17.942.144.193	520.503.714
Trong năm thứ hai	214.215.815.000	233.790.465.213
	232.157.959.193	234.310.968.927
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(17.942.144.193)	(520.503.714)
Cộng	214.215.815.000	233.790.465.213

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**22. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cô phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2020	415.000.000.000	400.000.000	(39.818.367.279)	7.667.692.056	20.719.532.364	403.968.857.141
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	643.216.956	643.216.956
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(109.700.000)	(109.700.000)
Tại ngày 30/06/2020	415.000.000.000	400.000.000	(39.818.367.279)	7.667.692.056	21.253.049.320	404.502.374.097
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	27.448.491.627	27.448.491.627
Tại ngày 31/12/2020	415.000.000.000	400.000.000	(39.818.367.279)	7.667.692.056	48.701.540.947	431.950.865.724
Tại ngày 01/01/2021	415.000.000.000	400.000.000	(39.818.367.279)	7.667.692.056	48.701.540.947	431.950.865.724
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	787.789.372	787.789.372
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.221.581.754)	(1.221.581.754)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	867.388.866	(867.388.866)	-
Tại ngày 30/06/2021	415.000.000.000	400.000.000	(39.818.367.279)	8.535.080.922	47.400.359.699	431.517.073.342

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**22. Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)**b. Cổ phiếu**

	30/06/2021	01/01/2021
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41.500.000	41.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	41.500.000	41.500.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	41.500.000	41.500.000
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	(2.000.000)	(2.000.000)
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(2.000.000)	(2.000.000)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39.500.000	39.500.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	39.500.000	39.500.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

c. Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 28 tháng 4 năm 2021, Công ty không chia cổ tức, toàn bộ lợi nhuận của năm 2020 được giữ lại nhằm bổ sung vốn chủ sở hữu phục vụ hoạt động kinh doanh.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Doanh thu từ hoạt động xây dựng	242.125.718.592	252.111.217.238
Doanh thu bán hàng	42.816.770.281	33.828.588.809
Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.643.237.855	1.798.120.307
Cộng	298.585.726.728	287.737.926.354

Trong đó, doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan:

Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận	154.099.757.235	202.971.500.259
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	30.986.528.639	8.055.836.562
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	27.084.984.898	15.439.900.312
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	14.588.465.256	958.168.861
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	1.901.861.777	17.188.858.830
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	-	8.583.312.540
Cộng	228.661.597.805	253.197.577.364

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Giá vốn từ hoạt động xây dựng	238.843.294.887	239.849.300.784
Giá vốn hàng đã bán	35.606.130.304	32.358.017.222
Giá vốn của dịch vụ	2.675.159.649	1.431.511.469
Chi phí dự phòng hàng tồn kho	-	1.242.804.284
Cộng	277.124.584.840	274.881.633.759

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay và trái phiếu	26.216.601.192	35.097.047.731

Trong đó, doanh thu tài chính phát sinh với các bên liên quan:

Công ty CII	19.555.326.600	22.386.198.314
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	-	3.037.164.901
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	-	2.038.356.164
Cộng	19.555.326.600	27.461.719.379

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Chi phí lãi vay	31.188.957.410	33.568.507.484
Phí cam kết rút vốn vay	500.000.000	1.250.000.000
Chi phí tài chính khác	2.772.000	3.139.000
Cộng	31.691.729.410	34.821.646.484

Trong đó, chi phí tài chính phát sinh với các bên liên quan:

Công ty CII	7.063.835.615	7.660.054.794
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	3.782.191.781	164.383.562
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	-	238.724.445
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	-	144.842.466
Cộng	10.846.027.396	8.208.005.267

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	222.672.362	564.337.497
Chi phí bằng tiền khác	1.440.000	3.217.727
Cộng	224.112.362	567.555.224

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.461.771.548	4.136.458.742
Chi phí đồ dùng văn phòng	193.860.707	469.418.746
Chi phí khấu hao tài sản cố định	429.107.287	617.224.809
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	3.744.401.506	4.290.227.869
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.954.668.807	1.689.437.020
Chi phí bằng tiền khác	563.328.470	620.430.218
Phân bổ lợi thế thương mại	2.247.080.758	2.247.080.759
Cộng	13.597.219.083	14.073.278.163

7. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	4.818.182	6.818.181
Các khoản thu nhập khác	75.864.910	368.108
Cộng	80.683.092	7.186.289

8. Chi phí khác

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Các khoản phạt vi phạm thuế	101.650.229	459.037.572
Chi phí thanh lý nhà máy gạch và trạm trộn bê tông	-	5.787.237.638
Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	1.449.481.198
Các khoản chi phí khác	86.723.488	45.499.998
Cộng	188.373.717	7.741.256.406

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	2.056.991.600	(9.243.209.662)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Chi phí không được trừ	2.041.938.789	1.574.247.400
Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-	14.870.966.134
Lợi thế thương mại phân bổ	2.247.080.758	2.247.080.759
Điều chỉnh cho các khoản lãi/lỗ chưa thực hiện từ giao dịch nội bộ	(3.103.178.790)	(111.723.394)
Thu nhập chịu thuế	3.242.832.357	9.337.361.237
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	648.566.471	1.867.472.247
Thuế TNDN năm trước điều chỉnh giảm	-	(11.776.243.542)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	648.566.471	(9.908.771.295)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	787.789.372	643.216.956
Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	(55.145.256)	(45.025.187)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	732.644.116	598.191.769
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	39.500.000	39.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	19	15

Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của kỳ so sánh đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ so sánh để phản ánh ảnh hưởng của quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2021.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu kỳ này cũng đã được điều chỉnh giảm để phản ánh khoản tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 ngày 28 tháng 4 năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	79.845.245.619	85.081.703.370
Chi phí nhân công	17.084.029.492	15.877.337.851
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.761.721.544	3.430.759.182
Chi phí dự phòng	3.744.401.506	5.533.032.153
Chi phí dịch vụ mua ngoài	198.033.604.826	155.217.870.779
Chi phí bằng tiền khác	3.288.807.382	37.603.840.899
Cộng	304.757.810.369	302.744.544.234

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. Bên liên quan****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII)	Công ty mẹ
Công ty Cổ Phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận	Công ty liên doanh của tập đoàn

Ngoài các số dư và giao dịch đã được trình bày tại các Thuyết minh khác trong bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, trong kỳ Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Công ty CII		
Chuyển tiền hợp tác đầu tư	848.250.000.000	1.363.462.700.000
Nhận hoàn trả vốn hợp tác đầu tư	72.384.481.269	399.176.409.430
Nhận tiền hỗ trợ vốn	639.500.000.000	859.300.000.000
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	200.000.000.000	100.000.000.000
Chuyển tiền hợp tác đầu tư	-	60.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Bên liên quan** (tiếp theo)**Tổng thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ:**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Ông Phùng Văn Hiền	518.915.352	453.175.933
Ông Phạm Tiến Đức	351.612.000	262.848.000
Ông Trần Đình Tuấn	181.676.923	191.608.547
Cộng	1.052.204.275	907.632.480

2. Báo cáo bộ phận

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau. Theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các bộ phận hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm 3 bộ phận như sau: hoạt động sản xuất, kinh doanh bán hàng; hoạt động thi công lắp đặt; duy tu công trình; cung cấp dịch vụ. Hoạt động cụ thể của từng bộ phận kinh doanh như sau:

- Hoạt động sản xuất, kinh doanh bán hàng: khai thác khoáng sản (đất, đá) và bán vật tư xây dựng.
- Hoạt động xây lắp: thi công công trình xây dựng, cầu đường, hạ tầng;
- Hoạt động cung cấp dịch vụ: cho thuê mặt bằng, kho bãi và cho thuê tài sản, thiết bị.

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận kinh doanh này. Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**2. Báo cáo bộ phận** (tiếp theo)**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**

	Sản xuất, kinh doanh bán hàng VND	Thi công, lắp đặt, duy tu công trình VND	Cho thuê tài sản và dịch vụ khác VND	Loại trừ giao dịch nội bộ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần					
Doanh thu phát sinh ra bên ngoài	42.816.770.281	242.125.718.592	13.643.237.855	-	298.585.726.728
Doanh thu phát sinh giữa các bộ phận	-	12.791.385.944	636.363.637	(13.427.749.581)	-
Cộng	42.816.770.281	254.917.104.536	14.279.601.492	(13.427.749.581)	298.585.726.728
Giá vốn					
Giá vốn phát sinh ra bên ngoài	35.606.130.304	238.843.294.887	2.675.159.649	-	277.124.584.840
Giá vốn phát sinh giữa các bộ phận	3.600.396.996	12.796.041.610	123.639.763	(16.520.078.369)	-
Cộng	39.206.527.300	251.639.336.497	2.798.799.412	(16.520.078.369)	277.124.584.840
Lợi nhuận gộp bộ phận	3.610.242.981	3.277.768.039	11.480.802.080	3.092.328.788	21.461.141.888
Doanh thu hoạt động tài chính					26.216.601.192
Chi phí tài chính					31.691.729.410
Chi phí bán hàng					224.112.362
Chi phí quản lý doanh nghiệp					13.597.219.083
Thu nhập khác					80.683.092
Chi phí khác					188.373.717
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					648.566.471
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					620.635.757
Tổng lợi nhuận sau thuế					787.789.372

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**2. Báo cáo bộ phận** (tiếp theo)**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**

	Sản xuất, kinh doanh bán hàng VND	Thi công, lắp đặt, duy tu công trình VND	Cho thuê tài sản và dịch vụ khác VND	Loại trừ giao dịch nội bộ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần					
Doanh thu phát sinh ra bên ngoài	33.828.588.809	252.111.217.238	1.798.120.307	-	287.737.926.354
Doanh thu phát sinh giữa các bộ phận	1.835.000	10.542.769.430	636.363.637	(11.180.968.067)	-
Cộng	33.830.423.809	262.653.986.668	2.434.483.944	(11.180.968.067)	287.737.926.354
Giá vốn					
Giá vốn phát sinh ra bên ngoài	33.600.821.506	239.849.300.784	1.431.511.469	-	274.881.633.759
Giá vốn phát sinh giữa các bộ phận	201.281.699	10.643.357.149	464.501.254	(11.309.140.102)	-
Cộng	33.802.103.205	250.492.657.933	1.896.012.723	(11.309.140.102)	274.881.633.759
Lợi nhuận gộp bộ phận	28.320.604	12.161.328.735	538.471.221	128.172.035	12.856.292.595
Doanh thu hoạt động tài chính					35.097.047.731
Chi phí tài chính					34.821.646.484
Chi phí bán hàng					567.555.224
Chi phí quản lý doanh nghiệp					14.073.278.163
Thu nhập khác					7.186.289
Chi phí khác					7.741.256.406
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(9.908.771.295)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					22.344.677
Tổng lợi nhuận sau thuế					643.216.956

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**3. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Số tiền vay thực nhận trong kỳ		
Tiền vay ngân hàng, tổ chức và cá nhân khác theo kế ước thông thường	176.647.393.341	422.682.323.854
Tiền vay các bên liên quan	520.000.000.000	38.126.027.398
Cộng	696.647.393.341	460.808.351.252
Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Trả nợ gốc vay ngân hàng, tổ chức và cá nhân khác theo kế ước thông thường	262.860.123.046	618.342.364.399
Tiền vay các bên liên quan	-	7.000.000.000
Cộng	262.860.123.046	625.342.364.399

4. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ cần được điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán và soát xét.

6. Thông tin khác

Đại dịch covid-19 đã và đang ngày càng diễn biến phức tạp, gây ra những biến động to lớn, ảnh hưởng tiêu cực đến toàn bộ nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường hoạt động của Công ty. Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của dịch bệnh, đánh giá ảnh hưởng, xem xét các khoản dự phòng, tổn thất tài sản và công nợ tiềm tàng trên nguyên tắc thận trọng. Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc cũng sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin đáng tin cậy nhất có được đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.



Nguyễn Thị Bích Thảo
Người lập biểu



Bùi Xuân Phước
Kế toán trưởng



Phùng Văn Hiền
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2021